TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/DS-ST
Ngày: 31 – 3 – 2026
V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Trường Hận**

2. Ông **Trần Bằng Phi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau *tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp chia thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1979. Địa chỉ: số A, khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số A, khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1954. Địa chỉ: số E N, khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số E N, phường B, tỉnh Cà Mau).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Chí T1, sinh năm 1973. Địa chỉ: số A, khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số A, khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau). (Đã chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Chí T1:

2.1.1. Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1971

2.1.2. Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 2000

2.1.3. Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: số A, khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số A, khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau).

2.2. Ông Nguyễn Hồng N1, sinh năm 1981. Địa chỉ: khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã Đ, tỉnh Cà Mau).

3.2. Bà Nguyễn Thu P, sinh năm 1962. Nơi thường trú: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Nơi ở hiện tại: Số A, đường C, khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số A, đường C, khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thu P: Ông Trần Văn V, sinh năm 1954. Địa chỉ: số E N, khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số E N, phường B, tỉnh Cà Mau).

3.3. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968. Địa chỉ: khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm N, phường H, tỉnh Cà Mau).

3.4. Chị Lý Thị N2, sinh năm 1991. Địa chỉ: khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm N, phường H, tỉnh Cà Mau).

3.5. Chị Lý Thị L, sinh năm 1992. Địa chỉ: khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm N, phường H, tỉnh Cà Mau).

3.6. Bà Nguyễn Thu S, sinh năm 1968

3.7. Ông Nguyễn Ngọc B1, sinh năm 1960

3.8. Chị Nguyễn Tố N3, sinh năm 1993

3.9. Anh Nguyễn Thế D, sinh năm 1997

3.10. Anh Nguyễn Khánh D1, sinh năm 2000

Cùng địa chỉ: số A, khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số A, khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau).

3.11. Ông Nguyễn Thành P1, sinh năm 1975

3.12. Bà Dư Thị Mộng L1, sinh năm 1975

3.13. Chị Nguyễn Thị Thùy T3, sinh năm 1998

3.14. Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 2000

3.15. Chị Nguyễn Thị Thùy D2, sinh năm 2002

3.16. Anh Nguyễn Hoài H2, sinh năm 2004

Cùng địa chỉ: số A, khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số A, khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau).

3.17. Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1971

3.18. Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 2000

3.19. Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 2002

Cùng địa chỉ: số A, khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số A, khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau).

3.20. Bà Nguyễn Thu N4, sinh năm 1982

3.21. Anh Nguyễn Chí T4, sinh năm 2009

3.22. Anh Nguyễn Chí T5, sinh năm 2015

Cùng địa chỉ: khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Chí T4 và anh Nguyễn Chí T5: Ông Nguyễn Hồng N1, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thu N4, sinh năm 1982. Cùng địa chỉ: khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau).

3.23. Ông Tăng Hồng L2, sinh năm 1965 và bà Trang Thị B2, sinh năm 1966. Nơi thường trú: Số H, đường Q, ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Nơi ở hiện tại: Số C, đường C, khóm C, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số C, đường C, khóm C, phường V, tỉnh Cà Mau).

3.24. Ông Tạ Văn B3, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Hồng P2, sinh năm 1980. Địa chỉ: khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau).

3.25. Anh Tạ Thanh P3, sinh năm 2006

3.26. Anh Tạ Thanh P4, sinh năm 2009

Cùng địa chỉ: khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo pháp luật của anh Tạ Thanh P4: Ông Tạ Văn B3, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Hồng P2, sinh năm 1980. Địa chỉ: khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau).

3.27. Văn phòng C1 (nay là Văn phòng C2)

Địa chỉ: số D P, phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số D P, phường B, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị N5, sinh năm 1958. Chức vụ: Trưởng Văn phòng C2.

(Ông V, bà T2, anh H, ông N1, bà S, ông P1, bà L1, bà N4, ông L2, bà Đ, chị N2, chị L có mặt; Các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn V trình bày:*

Cha mẹ của bà T là ông Nguyễn Văn L3, sinh năm 1936 (đã chết ngày 27/10/2018) và bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1941 (đã chết ngày 15/3/2017). Ông L3

và bà S1 có 09 người con chung gồm: Nguyễn Thu B4, sinh năm 1960; Nguyễn Thu P, sinh năm 1962; Nguyễn Văn H3, sinh năm 1964 (đã chết năm 1990); Nguyễn Thị T6, sinh năm 1966 (đã chết ngày 01/5/1989); Nguyễn Thu S, sinh năm 1968; Nguyễn Chí T1, sinh năm 1973 (đã chết ngày 14/11/2023); Nguyễn Thành P1, sinh năm 1975; Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1979; Nguyễn Hồng N1, sinh năm 1981.

Quá trình sống chung, ông L3 đã được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 138856 ngày 01/5/1997 bao gồm: thửa đất số 0364, 0365, 0367, 0368, 0443, tờ bản đồ số 02, diện tích 24650m^2. Ngoài ra, cha mẹ bà T còn có quyền sử dụng đất tại thửa đất số 478, tờ bản đồ số 5, diện tích 4570m^2 tọa lạc khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu do ông Nguyễn Hồng N1 đang quản lý sử dụng.

Vào ngày 02/6/2017, ông L3 đã lập di chúc tại Văn phòng C1 cho bà T 50% quyền sử dụng đất đã được cấp cho ông Nguyễn Văn L3 đứng tên khi ông L3 qua đời.

Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2022, bà Nguyễn Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại cụ thể: Yêu cầu công nhận di chúc ngày 02/6/2017 của ông Nguyễn Văn L3 tại Văn phòng C1, chia thừa kế theo di chúc ½ diện tích các thửa đất số 0364, 0365, 0367, 0443 tờ bản đồ số 02 cho bà Nguyễn Thị Thu T; Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật ½ diện tích còn lại tại các thửa đất số 0364, 0365, 0367, 0443 tờ bản đồ số 02 và thửa đất số 478, tờ bản đồ số 5 cho các đồng thừa kế.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/6/2023, bà T yêu cầu: Công nhận diện tích đất 249,9m2 thuộc thửa đất số 0364 và căn nhà trên đất làm phủ thờ dòng họ và giao cho bà T quản lý; Thửa đất số 0367, tờ bản đồ số 02, diện tích 1200m^2 đất lập vườn, qua đo đạt thực tế diện tích 1214,4m^2 nên khởi kiện bổ sung đối với diện tích 14,4m^2; Yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 478, tờ bản đồ số 5, diện tích 4630,2m^2 do ông N1 và bà N4 đang quản lý; Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất bà S và ông P1 đã bán cho ông L2 tổng diện tích 11.016m^2 thuộc thửa đất số 0443, tờ bản đồ số 02.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/10/2023, bà T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất diện tích 119,7m^2 thuộc thửa đất số 371 và diện tích 798,2m^2 thuộc thửa đất số 372, tờ bản đồ số 2.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất gồm: Phần đất đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thùy L4, bà Nguyễn Thị L5 diện tích 261m^2 và diện tích 476,7m^2 thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 02; Diện tích 91,7m^2 thuộc thửa đất số 0364 tờ bản đồ số 02 (gồm phần đường đi vào khu mồ mã diện tích 43,6m^2 + 6,1m^2, phần đất mồ mả diện tích 41,6m^2); Diện tích 156,3m^2 thuộc thửa đất số 0365, tờ bản đồ số 02 (gồm phần đường đi vào khu mồ mã diện tích 35,9m^2, phần đất mồ mả diện tích 58,3m^2 + 62,1m^2); Diện tích 1214,4m^2 thuộc thửa đất số 0367 tờ bản đồ số 02 (gồm phần đất ông Tạ Văn B3 đang quản lý sử dụng diện tích 171,5m^2, phần đất ông P1 đang quản lý sử dụng diện tích 280,1m^2 + 713,3m^2, phần đường bê tông diện tích 49,5m^2); Diện tích 266,2m^2 thuộc thửa đất số 0368 tờ bản đồ số 02; Diện tích

119,7m^2 thuộc thửa đất số 371 tờ bản đồ số 02; Diện tích 798,2m^2 thuộc thửa đất số 372 tờ bản đồ số 02; Diện tích 900,2m^2 thuộc thửa đất số 496 tờ bản đồ số 05 và diện tích 3730m^2 thuộc thửa đất số 495 tờ bản đồ số 05 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 495, tờ bản đồ số 5, diện tích 3730m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/3/2017 cho ông Nguyễn Hồng N1 và bà Nguyễn Thu N4 đứng tên. Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 0443, tờ bản đồ số 02 gồm: Diện tích 1365,8m^2 (nay là thửa đất số 182, tờ bản đồ số 9); Diện tích 927,2m^2 (nay là thửa đất số 161, tờ bản đồ số 9); Diện tích 2974,6m^2 (nay là thửa đất số 173, tờ bản đồ số 9) tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau.

Nay bà T xác định chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với các quyền sử dụng đất còn lại gồm: Diện tích 249,9m^2 (trong đó có 25,7m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2; Diện tích 39,1m^2 + 32,4m^2 thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2; Diện tích 1143,7m^2 thuộc thửa đất số 0365, tờ bản đồ số 2 do bà T đang quản lý sử dụng. Diện tích 139,6m^2 (trong đó có 19,7m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2 do bà S đang quản lý sử dụng. Diện tích 4623,8m^2 thuộc thửa đất số 0368, tờ bản đồ số 2 do bà T2 đang quản lý sử dụng tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau. Diện tích 10686,7m^2 thuộc thửa đất số 0443, tờ bản đồ số 2 (theo đo đạt gồm: Diện tích 1076,8m^2 (nay là thửa đất số 154, tờ bản đồ số 9); Diện tích 3370,8m^2 (nay là thửa đất số 170, tờ bản đồ số 9); Diện tích 1483,4m^2 (nay là thửa đất số 154, tờ bản đồ số 9); Diện tích 927,2m^2 (nay là thửa đất số 161, tờ bản đồ số 9) do ông L2 đang quản lý sử dụng tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau.

Bà T yêu cầu chia thừa kế cho bà T được hưởng ½ di sản theo di chúc của ông Nguyễn Văn L3 để lại cho bà T, còn lại ½ di sản thì yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế. Bà Thương yêu C được nhận hiện vật và hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế. Ngoài ra bà T không còn yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Chí T1 (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) là bà Huỳnh Thị T2 trình bày:*

Bà thống nhất về nguồn gốc tài sản, thời gian cụ L3, cụ S1 chết và hàng thừa kế của cụ L3, cụ S1 như bà T trình bày. Bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà T đối với các phần đất nêu trên do khi còn sống cha mẹ chồng bà đã cho đất vợ chồng bà từ năm 2000 nhưng chưa làm thủ tục chuyển tên, do tại thời điểm đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng. Phần đất cho vợ chồng bà có diện tích đúng theo đo đạc thực tế là 4623,8m^2, sau khi ông T1 chết thì phần đất này hiện nay do bà đang quản lý, sử dụng. Phần đất này cha mẹ chồng bà đã cho vợ chồng bà nên không phải là di sản do cụ L3, cụ S1 để lại.

Đối với phần đất mà bà T rút yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chia thừa kế thì bà thống nhất, không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập ông P1 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P1 với bà T, ông B3 và yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông P1 với cụ L3 và đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của ông L2 yêu cầu công nhận hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L2 với cụ L3, ông P1, bà S thì bà thống nhất, không có ý kiến gì khác.

Bà không đồng ý chia thừa kế nhưng trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà T thì bà đồng ý nhận và yêu cầu được nhận hiện vật là phần đất bà đang quản lý sử dụng để bà được quyền đăng ký kê khai cấp giấy và bà đồng ý hoàn giá trị cho anh H, chị N. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Chí T1 (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) là anh Nguyễn Minh H trình bày:*

Anh không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà T đối với các phần đất nêu trên, do khi còn sống ông bà nội anh đã cho đất cha mẹ anh phần đất này. Anh thống nhất theo toàn bộ lời trình bày của bà T2. Trong trường hợp giải quyết chia thừa kế thì anh đồng ý cho mẹ anh nhận hiện vật là phần đất mẹ anh đang quản lý sử dụng và hoàn giá trị cho anh.

Đối với phần đất mà bà T rút yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chia thừa kế thì anh thống nhất, không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập ông P1 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P1 với bà T, ông B3 và yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông P1 với cụ L3 và đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của ông L2 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L2 với cụ L3, ông P1, bà S thì anh thống nhất, không có ý kiến gì khác. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hồng N1 trình bày:*

Ông thống nhất về nguồn gốc tài sản, thời gian cụ L3, cụ S1 chết và hàng thừa kế của cụ L3, cụ S1 như bà T trình bày. Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà T đối với các phần đất nêu trên nhưng anh không đồng ý chia thừa kế theo di chúc mà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, chia đều cho các đồng thừa kế. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà T thì anh đồng ý nhận và yêu cầu được nhận hiện vật.

Đối với phần đất mà bà T rút yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chia thừa kế thì anh thống nhất, không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập ông P1 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P1 với bà T, ông B3 và yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông P1 với cụ L3 và đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của ông L2 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L2 với cụ L3, ông P1, bà S thì anh thống nhất, không có ý kiến gì khác. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu N4 trình bày:*

Bà thống nhất theo toàn bộ lời trình bày của ông Nguyễn Hồng N1. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu S trình bày:*

Bà thống nhất về nguồn gốc tài sản, thời gian cụ L3, cụ S1 chết và hàng thừa kế của cụ L3, cụ S1 như bà T trình bày. Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà T đối với các phần đất nêu trên do phần đất bà đang quản lý theo đo đạc thực tế có diện tích 139,6m^2 là do cha mẹ bà cho bà và bà đã xây nhà ở ổn định trên phần đất nhưng bà chưa làm thủ tục chuyển tên nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với các phần đất mà bà T rút yêu cầu khởi kiện thì bà thống nhất, không có ý kiến gì khác. Đối với yêu cầu khởi kiện ông P1 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P1 với bà T, ông B3 và yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông P1 với cụ L3 thì bà thống nhất, không có ý kiến gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L2 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L2 với cụ L3, ông P1, bà S thì bà thống nhất, không có ý kiến gì khác. Bà thừa nhận vợ chồng tôi có chuyển nhượng cho ông L3 phần đất diện tích 05 công tầm cấy (theo đo đạt thực tế là 6239,1m^2) và vợ chồng bà đã nhận tiền chuyển nhượng đất là 75.000.000 đồng nên bà thống nhất yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà với ông L2.

Bà không đồng ý chia thừa kế nhưng trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà T thì bà đồng ý nhận và yêu cầu được nhận hiện vật là phần đất do bà đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành P1 trình bày:*

Ông thống nhất về nguồn gốc tài sản, thời gian cụ L3, cụ S1 chết và hàng thừa kế của cụ L3, cụ S1 như bà T trình bày. Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc và theo pháp luật của bà T. Ông xác định cha mẹ ông đã chia đất cho các anh em ông từ khi cha mẹ còn sống nên phần của ai là của người đó, không còn là di sản do cha mẹ ông để lại.

Đối với phần đất theo đo đạt thực tế có diện tích 171,5m^2 do ông Tạ Văn B3 đang quản lý sử dụng và diện tích 280,1m^2 do ông đang quản lý, sử dụng là đất của cha ông cho ông từ năm 2000 nên ông yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông với cụ L3 đối với phần diện tích này. Do phần đất của ông B3 đang sử dụng là ông chuyển nhượng cho ông B3 và hai bên không có tranh chấp nên ông yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và ông B3 được xác lập vào ngày 29/4/2004 đối với diện tích 171,5m^2.

Đối với phần đất theo đo đạt thực tế có diện tích 713,3m^2 + 49,5m^2 thuộc thửa đất số 0367, diện tích 266,2m^2 thuộc thửa đất số 0368, diện tích 119,7m^2 thuộc thửa đất số 0371 và diện tích 798,2m^2 + 43,7m^2 thuộc thửa đất số 0372, tờ bản đồ số 02) tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau có nguồn gốc là của cha mẹ ông cho bà T và bà T chuyển nhượng lại cho ông vào ngày 07/5/2010 nên ông yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông với bà T đối với phần đất này.

Đối với phần đất ông chuyển nhượng cho ông L2 diện tích 6239,1m^2 có nguồn gốc là của cha mẹ ông cho ông và ông chuyển nhượng lại cho ông L2, ông đã nhận

đủ tiền chuyển nhượng là 52.500.000 đồng nên ông thống nhất yêu cầu của ông L2 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và ông L2.

Đối với các phần đất mà bà T rút yêu cầu chia thừa kế thì ông thống nhất, không có ý kiến gì. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà T thì tôi đồng ý nhận và yêu cầu được nhận hiện vật. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dư Thị Mộng L1 trình bày:*

Bà thống nhất theo toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Thành P1. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tăng Hồng L2 trình bày:*

Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà T đối với các phần đất theo đo đạt thực tế có diện tích 1076,8m^2 + 3370,8m^2 (là 4447,6m^2) do ông P1 chuyển nhượng cho ông và phần đất diện tích 1483,4m^2 + 4755,7m^2 (là 6239,1m^2) do bà S, ông B1 chuyển nhượng cho ông, thuộc thửa đất số 0443, tờ bản đồ 02 tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau. Do tại thời điểm nhận chuyển nhượng phần đất cụ L3 đã cho ông P1 và bà S nhưng chưa chuyển tên nên ông P1 và bà S mới chuyển nhượng lại cho ông, tại thời điểm chuyển nhượng có làm giấy tay, cụ L3 có ký tên vào giấy chuyển nhượng. Lúc này cụ L3, cụ S1 vẫn còn sống nhưng không ai có ý kiến phản đối và cũng đã giao đất cho ông sử dụng đến nay. Ông đã trả đủ tiền chuyển nhượng nhưng đến nay chưa làm thủ tục chuyển tên cho ông.

Do đó nay ông yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với cụ L3 xác lập vào năm 2010 diện tích theo đo đạt thực tế là 1365,8m^2 + 927,2m^2 + 2974,6m^2 (là 5267,6m^2), công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với ông P1 xác lập vào ngày 07/5/2010, phần đất diện tích 1076,8m^2 + 3370,8m^2 (là 4447,6m^2) và công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với bà S, ông B1 xác lập vào 19/11/2009 phần đất diện tích 1483,4m^2 + 4755,7m^2 (là 6239,1m^2) thuộc thửa đất số 0443, tờ bản đồ 02 tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau để ông được quyền làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Các phần đất này hiện nay do ông đang quản lý sử dụng. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Bà khai thống nhất với lời khai của bà T về nguồn gốc tài sản tranh chấp, thời gian cụ L3, cụ S1 chết và hàng thừa kế của ông L3 và cụ S1. Đối với phần di sản của cha bà chết có để lại toàn bộ di chúc cho bà Nguyễn Thị Thu T thì bà tôn trọng di nguyện của cha và thống nhất để bà T hưởng toàn bộ di sản của cha. Đối với 50% di sản thuộc quyền sở hữu của mẹ bà chết không để lại di chúc nên phần di sản của mẹ bà yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà xin nhận phần thừa kế mà bà được hưởng bằng hiện vật và tự nguyện cho lại toàn bộ phần thừa kế này cho bà T.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng P2 trình bày:*

Phần đất theo đo đạt thực tế có diện tích 171,5m^2 thuộc một phần thửa số 367 tờ bản đồ số 02 đất tọa lạc tại khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau là của vợ chồng bà mua lại của ông Nguyễn Thành P1 vào ngày 29/4/2004, có xác nhận của trưởng khóm Đ với giá 10.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng thì hai bên có làm giấy tay, bản chính hiện vợ chồng bà đang giữ. Đến năm 2006, vợ chồng bà xây nhà ở trên đất cho đến nay, vợ chồng bà nhiều lần yêu cầu ông P1 làm thủ tục chuyển tên nhưng đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà T yêu cầu chia thừa kế phần đất này thì bà không đồng ý. Bà yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà với ông P1 do vợ chồng bà đã xây nhà ở ổn định và không có tranh chấp với ông P1. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án đại diện theo pháp luật của Văn phòng C2 là bà Cao Thị N5 trình bày:*

Vào ngày 02/6/2017, Văn phòng C2 (trước đây là Văn phòng C1) có tiếp nhận hồ sơ lập di chúc của ông Nguyễn Văn L3 đối với phần quyền sử dụng đất 50% của ông L3 trong quyền sử dụng đất được UBND thị xã B cấp ngày 01/5/1997, số phát hành H 138856. Sau khi tiếp nhận hồ sơ và các giấy tờ liên quan do người lập di chúc cung cấp, đối chiếu quy định pháp luật về công chứng và văn bản pháp luật khác có liên quan, Văn phòng công chứng xét thấy hồ sơ đảm bảo tính pháp lý và đủ điều kiện của pháp luật nên công chứng viên lập thủ tục công chứng theo quy định pháp luật. Do đó, Văn phòng C2 đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng theo quy định pháp luật.

** Các đương sự còn lại trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng các đương sự vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu T đối với quyền sử dụng đất tọa lạc tại khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 476,7m^2 và diện tích 261m^2 do phần đất này đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thụy Thùy L6 và bà Nguyễn Thị L7, đất thuộc thửa 364 tờ bản đồ số 02.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 81,5m^2 + 21,3m^2 đất thuộc thửa số 374 và quyền sử dụng đất diện tích 163,4m^2 + 5m^2 đất thuộc thửa số 366, cùng tờ bản đồ số 02.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 364 tờ bản đồ số 02 gồm: Diện tích đất mồ mã 41,6m^2, diện tích đường đi vào mộ 43,6m^2 + 6,1m^2.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 365 tờ bản đồ số 02 gồm: Diện tích đất mồ mã 62,1m^2 + 58,3m^2, diện tích đường đi vào mộ 35,9m^2.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 49,5m^2 thuộc thửa 367 tờ bản đồ số 02 hiện trạng là đường đi vào nhà ông N1.

+ Thửa 367 tờ bản đồ số 02 diện tích đất 713,3m^2; Thửa 372 tờ bản đồ số 02 diện tích 798,2m^2; Thửa 371 tờ bản đồ số 02 diện tích 119,7m^2 và Thửa 368 tờ bản đồ số 02 diện tích 266,2m^2.

+ Thửa 367 tờ bản đồ số 02 diện tích đất 171,5m^2 + diện tích 280,1m^2;

+ Thửa 496 tờ bản đố số 05 diện tích 900,2m^2 và quyền sử dụng đất tại thửa 495 tờ bản đồ số 05 diện tích 3730m^2 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 248827 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/3/2017 cho ông Nguyễn Hồng N1, bà Nguyễn Thu N4.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Thu T đối với quyền sử dụng đất tọa lạc tại khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau, đối với quyền sử dụng đất tại Thửa 443 tờ bản đồ số 02 diện tích: 1365,8m^2 (nay là thửa 182 tờ bản đồ số 09) + 927,2m^2 (nay là thửa 161 tờ bản đồ số 09) + 2974,6m^2 (nay là thửa 182 tờ bản đồ số 09).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và theo pháp luật của bà T:

+ Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 249,9m^2 (trong đó: đất ở 160,4m^2) + diện tích 39,1m^2 + diện tích 32,4m^2 thuộc một phần thửa 364 tờ bản đồ số 02 và quyền sử dụng đất diện tích 1143,7m^2 thuộc một phần thửa 365 tờ bản đồ số 02 đất tọa lạc tại khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau hiện cho bà Nguyễn Thị Thu T được quyền sở hữu;

+ Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 139,6m^2 (đất ở) thuộc một phần thửa 364 tờ bản đồ số 02 (trong đó có 19,7m^2 nằm trong QHLG) đất tọa lạc tại khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau cho bà Nguyễn Thu S được quyền sở hữu;

+ Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 4623,8m^2 thuộc một phần thửa 368 tờ bản đồ số 02 đất tọa lạc tại khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau cho bà Huỳnh Thị T2 được quyền sở hữu.

+ Bà Nguyễn Thu S và bà Huỳnh Thị T2 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị di sản thừa kế chênh lệch với kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà Nguyễn Thu P; Nguyễn Hồng N1, ông Nguyễn Thành P1, bà Nguyễn Thị Thu T và người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn H3 là chị Lý Cẩm N6, Lý Thị L.

+ Bà Huỳnh Thị T2 có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị kỷ phần di sản thừa kế cho anh Nguyễn Minh H và chị Nguyễn Thị Huỳnh N đối với phần di sản của ông Nguyễn Chí T1.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Tăng Hồng L2: Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 1365,8m^2 thuộc thửa 182 + diện tích 927,2m^2 thuộc thửa 161 tờ bản đồ số 09 + diện tích 2974,6m^2 thuộc thửa 173 + diện tích 1076,8m^2 thuộc một phần thửa số 154 và diện tích 3370,8m^2 thuộc thửa đất số 170 + diện tích 1483,4m^2 thuộc một phần thửa số 154 và diện tích 4755,7m^2 thuộc thửa đất số 171 cùng tờ bản đồ số 9 đất tọa lạc tại khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau cho ông Tăng Hồng L2, ông Tăng Hồng L2 được liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định.

5. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thành P1: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông P1 với ông Tạ Văn B3 đối với quyền sử dụng đất diện tích 171,5m^2 thuộc một phần thửa số 367 tờ bản đồ số 02 đất tọa lạc tại khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau; Công nhận quyền sử dụng đất tại thửa 367 tờ bản đồ số 02 diện tích đất 713,3m^2 + diện tích 798,2m^2 + diện tích 280,1m^2; Thửa 371 tờ bản đồ số 02 diện tích 119,7m^2 và Thửa 368 tờ bản đồ số 02 diện tích 266,2m^2 cho ông Nguyễn Thành P1 được quyền sở hữu.

6. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thu P; người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn H3 là chị Lý Cẩm N6, Lý Thị L; Nguyễn Thu S; Người thừa kế của ông Nguyễn Chí T1 là bà Huỳnh Thị T2 và con là Nguyễn Minh H, Nguyễn Thị Huỳnh N; Nguyễn Thành P1; Nguyễn Thị Thu T; Nguyễn Hồng N1 cùng phải chịu.

7. Về án phí: Bà Nguyễn Thu P; người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn H3 là chị Lý Cẩm N6, Lý Thị L; Nguyễn Thu S; Người thừa kế của ông Nguyễn Chí T1 là bà Huỳnh Thị T2 và con là Nguyễn Minh H, Nguyễn Thị Huỳnh N; Nguyễn Thành P1; Nguyễn Thị Thu T; Nguyễn Hồng N1 phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện tranh chấp chia thừa kế với ông Nguyễn Chí T1, ông Nguyễn Hồng N1. Ông T1, ông N1 cư trú trên địa bàn phường B, tỉnh Cà Mau nên căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Ngoài ông V, bà T2, anh H, ông N1, bà S, ông P1, bà L6, bà N4, ông L2, bà Đ, chị N6, chị L có mặt tại phiên tòa, các đương sự còn lại trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt (riêng bà B, bà N5 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt) nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 24650m^2 thuộc thửa đất số 0364, 0365, 0367, 0368, 0443, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại khóm Đ và khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Văn L3 đứng tên. Bà T xác định nguồn gốc tài sản là của cha mẹ bà T là cụ Nguyễn Văn L3 và cụ Nguyễn Thị S1 chết để lại. Bà T xác định khi ông L3 chết có để lại Di chúc được công chứng vào ngày 02/6/2017 tại Văn phòng C1 (nay là Văn phòng C2) để lại cho bà T được hưởng 50% quyền sử dụng đất do cụ L3 đứng tên tại thửa đất số 0364, 0365, 0367, 0368 tờ bản đồ số 02 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau và thửa đất số 0443, tờ bản đồ số 02 tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau. Do đó, nay bà T khởi kiện yêu cầu công nhận di chúc ngày 02/6/2017 của cụ Nguyễn Văn L3 tại Văn phòng C1, chia thừa kế theo di chúc ½ diện tích các thửa đất số 0364, 0365, 0367, 0443 tờ bản đồ số 02 cho bà Nguyễn Thị Thu T. Đồng thời, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật ½ diện tích còn lại tại các thửa đất số 0364, 0365, 0367, 0443 tờ bản đồ số 02 và thửa đất số 478, tờ bản đồ số 5 cho các đồng thừa kế mỗi người nhận một kỷ phần bằng nhau. Các đương sự thống nhất nguồn gốc tài sản là của cụ Nguyễn Văn L3 và cụ Nguyễn Thị S1 nên bà B, bà P thống nhất yêu cầu chia thừa kế của bà T. Bà T2, anh H, bà S, ông P1 cho rằng khi còn sống cha mẹ đã chia đất cho các con, từ đó không đồng ý toàn bộ yêu cầu chia thừa kế của bà T. Ông N1 không đồng ý chia thừa kế theo di chúc mà đồng ý chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu chia đều cho các đồng thừa kế. Các đương sự còn lại yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất gồm: Phần đất đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thùy L4, bà Nguyễn Thị L5 diện tích 261m^2 và diện tích 476,7m^2 thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 02; Diện tích 91,7m^2 thuộc thửa đất số 0364 tờ bản đồ số 02 (gồm phần đường đi vào khu mồ mã diện tích 43,6m^2 + 6,1m^2, phần đất mồ mả diện tích 41,6m^2); Diện tích 156,3m^2 thuộc thửa đất số 0365, tờ bản đồ số 02 (gồm phần đường đi vào khu mồ mã diện tích 35,9m^2, phần đất mồ mả diện tích 58,3m^2 + 62,1m^2); Diện tích 1214,4m^2 thuộc thửa đất số 0367 tờ bản đồ số 02 (gồm phần đất ông Tạ Văn B3 đang quản lý sử dụng diện tích 171,5m^2, phần đất ông P1 đang quản lý sử dụng diện tích 280,1m^2 + 713,3m^2, phần đường bê tông diện tích 49,5m^2); Diện tích 266,2m^2 thuộc thửa đất số 0368 tờ bản đồ số 02; Diện tích 119,7m^2 thuộc thửa đất số 371 tờ bản đồ số 02; Diện tích 798,2m^2 thuộc thửa đất số 372 tờ bản đồ số 02; Diện tích 900,2m^2 thuộc thửa đất số 496 tờ bản đồ số 05 và diện tích 3730m^2 thuộc thửa đất số 495 tờ bản đồ số 05 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 495, tờ bản đồ số 5, diện tích 3730m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/3/2017 cho ông Nguyễn Hồng N1 và bà Nguyễn Thu N4 đứng tên; Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 0443, tờ bản đồ số 02 gồm: Diện tích 1365,8m^2 (nay là thửa đất số 182, tờ bản đồ số 9); Diện tích 927,2m^2 (nay là thửa đất số 161, tờ bản đồ số 9); Diện tích 2974,6m^2 (nay là thửa đất số 173, tờ bản đồ số 9) tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, các đương sự còn lại trong vụ án thống nhất việc bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều

244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông T1, ông N1 yêu cầu chia thừa kế đối với các quyền sử dụng đất mà bà T đã rút yêu cầu khởi kiện nêu trên.

[5] Xét về xác định di sản thừa kế:

[5.1] Về quyền sử dụng đất: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà T cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 24650m^2 thuộc thửa đất số 0364, 0365, 0367, 0368, 0443, tờ bản đồ số 02 do cụ Nguyễn Văn L3 đứng tên. Quá trình sử dụng đất, cụ L3 và cụ S1 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thùy L4, bà Nguyễn Thị L5 diện tích 261m^2 đất vườn nên diện tích còn lại là 24.389m^2, việc chuyển nhượng đã được điều chỉnh tại trang 4. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự, đủ cơ sở để xác định quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế diện tích 23.911m^2 (trong đó có 45,4m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc 0364, 0365, 0367, 0368, tờ bản đồ số 02 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau và thuộc 0443, tờ bản đồ số 02 tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau có nguồn gốc là của cụ L3 và cụ S1. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh. Ngoài các phần đất bà T đã rút yêu cầu khởi kiện thì bà T xác định chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với các quyền sử dụng đất còn lại gồm: Diện tích 249,9m^2 (trong đó có 25,7m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2; Diện tích 39,1m^2 + 32,4m^2 thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2; Diện tích 1143,7m^2 thuộc thửa đất số 0365, tờ bản đồ số 2 do bà T đang quản lý sử dụng. Diện tích 139,6m^2 (trong đó có 19,7m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2 do bà S đang quản lý sử dụng. Diện tích 4623,8m^2 thuộc thửa đất số 0368, tờ bản đồ số 2 do bà T2 đang quản lý sử dụng tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau. Diện tích 10686,7m^2 thuộc thửa đất số 0443, tờ bản đồ số 2 (theo đo đạt gồm: Diện tích 1076,8m^2 (nay là thửa đất số 154, tờ bản đồ số 9); Diện tích 3370,8m^2 (nay là thửa đất số 170, tờ bản đồ số 9); Diện tích 1483,4m^2 (nay là thửa đất số 154, tờ bản đồ số 9); Diện tích 4755,4m^2 (nay là thửa đất số 171, tờ bản đồ số 9) do ông L2 đang quản lý sử dụng tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau.

[5.2] Đối với các phần đất gồm: Diện tích 249,9m^2 (trong đó có 25,7m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2; Diện tích 39,1m^2 + 32,4m^2 thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2; Diện tích 1143,7m^2 thuộc thửa đất số 0365, tờ bản đồ số 2 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau do bà T đang quản lý sử dụng, các đương sự thống nhất là di sản của cụ L3 và cụ S1 để lại và hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn do cụ L3 đứng tên, chưa chuyển tên cho ai nên bà T yêu cầu chia thừa kế là có căn cứ.

[5.3] Đối với các phần đất gồm: Diện tích 139,6m^2 (trong đó có 19,7m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2 do bà S đang quản lý sử dụng; Diện tích 4623,8m^2 thuộc thửa đất số 0368, tờ bản đồ số 2 do bà T2 đang quản lý sử dụng tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau. Bà S, bà T2 cho rằng phần đất này đã được cụ L3 và cụ S1 tặng cho khi còn sống nhưng chưa làm thủ tục chuyển tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bà S và bà T2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc tặng cho, đồng thời bà T, bà P, bà Ba K thừa nhận có việc tặng cho và thực tế hiện nay phần đất vẫn do cụ L3 đứng tên trên giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, bà S, ông T1 không có quyền sử dụng đất đới với phần đất này, nên việc bà T xác định phần đất này là di sản của cụ L3 và cụ S1 để lại và yêu cầu chia thừa kế là có căn cứ chấp nhận.

[5.4] Đối với phần đất diện tích 10686,7m^2 thuộc thửa đất số 0443, tờ bản đồ số 2 (theo đo đạt gồm: Diện tích 1076,8m^2 (nay là thửa đất số 154, tờ bản đồ số 9); Diện tích 3370,8m^2 (nay là thửa đất số 170, tờ bản đồ số 9); Diện tích 1483,4m^2 (nay là thửa đất số 154, tờ bản đồ số 9); Diện tích 4755,4m^2 (nay là thửa đất số 171, tờ bản đồ số 9) do ông L2 đang quản lý sử dụng tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau. Bà S cho rằng các phần đất này hiện nay vẫn do cụ L3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên xác định đây là di sản thừa kế của cụ L3 và cụ S1 để lại và yêu cầu chia thừa kế. Xét thấy, mặc dù các phần đất này hiện nay vẫn do cụ L3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, các đương sự đều thống nhất phần đất này trong quá trình sử dụng, cụ L3 và cụ S1 đã cho bà S và ông P1, sau đó bà S và ông P1 mới chuyển nhượng lại cho ông L2. Tại thời điểm bà S và ông P1 chuyển nhượng đất cho ông L2 thì cụ L3 và cụ S1 vẫn còn sống nhưng không có ý kiến phản đối, khi chuyển nhượng các bên có làm giấy tay và cụ L3 có ký tên trong giấy tay chuyển nhượng đất cho ông L2, như vậy cụ L3, cụ S1 đồng ý việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất này. Sau khi chuyển nhượng đất thì đã giao đất cho ông L2 sử dụng từ đó đến nay, các đương sự trong vụ án đều biết nhưng không ai có ý kiến phản đối và cũng không có ai tranh chấp với ông L2 về việc chuyển nhượng đất này. Từ đó cho thấy, các phần đất này cụ L3, cụ S1 đã cho bà S, ông P1 và bà S, ông P1 đã chuyển nhượng cho ông L2 là thực tế có xảy ra, phần đất này không còn là của cụ L3, cụ S1. Do đó, bà T xác định các phần đất này là di sản của cụ L3, cụ S1 và yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ chấp nhận.

[5.5] Như vậy, chỉ có căn cứ chấp nhận các phần đất mà bà T yêu cầu chia thừa kế gồm: Diện tích 249,9m^2 (trong đó có 25,7m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2; Diện tích 39,1m^2 + 32,4m^2 thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2; Diện tích 1143,7m^2 thuộc thửa đất số 0365, tờ bản đồ số 2 do bà T đang quản lý sử dụng. Diện tích 139,6m^2 (trong đó có 19,7m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2 do bà S đang quản lý sử dụng. Diện tích 4623,8m^2 thuộc thửa đất số 0368, tờ bản đồ số 2 do bà T2 đang quản lý sử dụng tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau.

[5.6] Về di sản là căn nhà của cụ L3, cụ S1 trên thửa đất số 0364: Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/12/2022 trên phần đất diện tích 249,9m^2 (trong đó có 25,7m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau do bà T đang quản lý, sử dụng có căn nhà gồm: Nhà chính diện tích 47,5m^2, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây, nền lát gạch, mái lợp tol xi măng, đòn tay gỗ dầu; Nhà sau diện tích 47m^2, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây, nền tráng xi măng, mái lợp tol xi măng, đòn tay gỗ dầu. Các đương sự đều thống nhất căn nhà này là di sản của cụ L3, cụ S1 chết để lại nên bà T yêu cầu chia thừa kế là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu chia thừa kế theo di chúc: Cụ Nguyễn Văn L3 có lập di chúc để lại cho bà T được hưởng 50% quyền sử dụng đất do cụ L3 đứng tên tại thửa đất số

0364, 0365, 0367, 0368 tờ bản đồ số 02 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau và thửa đất số 0443, tờ bản đồ số 02 tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau. Di chúc được lập thành văn bản và được công chứng tại Văn phòng C1 (nay là Văn phòng C2) vào ngày 02/6/2017. Tại thời điểm lập di chúc cụ L3 hoàn toàn minh mẫn, nội dung di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ theo quy định tại Điều 628, 630 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì di chúc là hợp pháp nên được công nhận. Tuy nhiên, về nội dung phần di sản mà cụ L3 để lại cho bà T thì xét thấy tại thời điểm lập di chúc đối với thửa đất số 0443, tờ bản đồ số 02 tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau đã được chuyển nhượng cho ông Tăng Hồng L2 và đã giao đất cho ông L2 sử dụng, các bên không có tranh chấp như đã phân tích trên. Như vậy, cụ L3 không còn quyền sử dụng đối với phần đất này, do đó việc cụ L3 định đoạt quyền sử dụng đất này cho bà T được hưởng thừa kế sau khi cụ L3 chết là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ công nhận một phần nội dung di chúc.

[7] Xét yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật: Do cụ S1 chết không để lại di chúc nên đối với phần di sản của cụ S1 để lại bà T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 650 của Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Văn L3 chết vào ngày 27/10/2018, cụ Nguyễn Thị S1 chết vào ngày 15/3/2017, bà T khởi kiện ngày 24/10/2022, căn cứ khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự 2015, vẫn còn thời hiệu yêu cầu chia thừa kế.

[9] Xét về hàng thừa kế: Cụ Nguyễn Văn L3 chết vào ngày 27/10/2018, cụ Nguyễn Thị S1 chết vào ngày 15/3/2017. Cụ L3 và cụ S1 có 09 người con chung gồm: Nguyễn Thu B4, sinh năm 1960; Nguyễn Thu P, sinh năm 1962; Nguyễn Văn H3, sinh năm 1964 (đã chết năm 1990); Nguyễn Thị T6, sinh năm 1966 (đã chết ngày 01/5/1989); Nguyễn Thu S, sinh năm 1968; Nguyễn Chí T1, sinh năm 1973 (đã chết ngày 14/11/2023); Nguyễn Thành P1, sinh năm 1975; Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1979; Nguyễn Hồng N1, sinh năm 1981. Cha mẹ cụ L3 và cụ S1 đều đã chết trước cụ L3 và cụ S1. Cụ L3 và cụ S1 không có cha mẹ nuôi, không còn con nuôi, con riêng và không ai tranh chấp về hàng thừa kế. Trong 09 người con của cụ L3 và cụ S1 có ông Nguyễn Văn H3 đã chết trước cụ L3 và cụ S1 và xác định 02 người con của ông H3 là người thừa kế thế vị của ông H3 gồm có: chị Lý Thị N2, chị Lý Thị L. Bà Nguyễn Thị T6 chết trước cụ L3, cụ S1 và xác định không có con chung nên không có người thừa kế thế vị. Ông Nguyễn Chí T1 chết sau cụ L3, cụ S1 và xác định có vợ là bà Huỳnh Thị T2 và 02 người con là anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Thị Huỳnh N. Như vậy, căn cứ Điều 651 và Điều 652 của Bộ luật Dân sự 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ L3 và cụ S1 gồm có 06 người: bà B4, bà P, bà S, ông P1, bà T, ông N1; Hàng thừa kế thế vị của ông H3 gồm có 02 người: chị N2, chị L và hàng thừa kế của ông T1 gồm có 03 người là: bà T2, anh H, chị N.

[10] Các đương sự thống nhất cụ L3 và cụ S1 không phải thực hiện nghĩa vụ gì liên quan đến phần di sản để lại này nên không yêu cầu xem xét giải quyết, cũng không yêu cầu xem xét công sức chăm sóc cụ L3, cụ S1 và chi phí tang lễ của cụ L3, cụ S1 trong trường hợp phải chia thừa kế. Xét thấy, sau khi cụ L3, cụ S1 chết thì

phần đất yêu cầu chia thừa kế do các con của cụ L3, cụ S1 là bà T, bà S, ông T1 quản lý nên khi giải quyết chia thừa kế Hội đồng xét xử sẽ xem xét về công sức quản lý, duy tu, tôn tạo tài sản cho những người này.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và chia thừa kế theo quy định pháp luật của bà T đối với quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế diện tích 6228,5m^2 (trong đó có 45,4m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, 0365, 0368, tờ bản đồ số 02 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T về việc yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất 10686,7m^2 thuộc thửa đất số 0443, tờ bản đồ số 2 (theo đo đạt gồm: Diện tích 1076,8m^2 (nay là thửa đất số 154, tờ bản đồ số 9); Diện tích 3370,8m^2 (nay là thửa đất số 170, tờ bản đồ số 9); Diện tích 1483,4m^2 (nay là thửa đất số 154, tờ bản đồ số 9); Diện tích 4755,4m^2 (nay là thửa đất số 171, tờ bản đồ số 9) tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau.

[12] Về việc phân chia di sản: Bà Thương yêu C chia 09 kỷ phần đều nhau, trong đó 08 kỷ phần chia cho 08 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L3 và cụ S1, còn lại 01 kỷ phần dùng để thờ cúng và giao cho bà T quản lý. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự đều thừa nhận hiện nay các anh em đã mâu thuẫn với nhau do tranh chấp nên việc thờ cúng cha mẹ thì mỗi người tự thờ cúng. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện theo quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận do các anh em bà T không còn thuận thảo nên bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu công nhận diện tích đất 249,9m^2 thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 02 và căn nhà trên đất làm phủ thờ nữa mà yêu cầu giải quyết chia thừa kế theo di chúc và chia thừa kế theo pháp luật phần di sản này. Do đó, việc bà T yêu cầu dành 01 kỷ phần để thờ cúng và giao cho bà T quản lý là không có căn cứ chấp nhận.

[13] Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 05/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản và các đương sự đã thống nhất giá trị tài sản tranh chấp có giá như sau: Phần đất tranh chấp là đất thổ cư có giá 3.150.000 đồng/m^2, giá đất trồng lúa là 250.000 đồng/m^2. Tổng quyền sử dụng đất yêu cầu chia thừa kế diện tích là 6228,5m^2 có giá trị là 2.427.125.000 đồng và căn nhà trên đất trị giá 101.212.249. Như vậy, tổng di sản của cụ L3 và cụ S1 để lại có giá trị là 2.528.337.249 đồng.

[13.1] Chia di sản thừa kế theo di chúc cho bà Nguyễn Thị Thu H4 được hưởng giá trị quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn L3 để lại là 50% giá trị quyền sử dụng đất trong di sản của cụ Nguyễn Văn L3 và cụ Nguyễn Thị S1 để lại có giá trị là 1.264.168.624 đồng.

[13.2] Chia di sản thừa kế theo pháp luật 50% giá trị quyền sử dụng đất còn lại của cụ Nguyễn Thị S1 trong diện tích 6228,5m^2 (trong đó có 45,4m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, 0365, 0368, tờ bản đồ số 02 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau có giá trị là 1.264.168.624 đồng, chia thành 09 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị là 140.463.180 đồng. Chia cho hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị S1 08 kỷ phần gồm: Bà Ba, bà P, ông H3 (người thừa kế thế vị là chị N2, chị L nhận), bà S, ông P1, ông T1 (người thừa kế là bà T2, anh H, chị N nhận), bà T, ông N1, mỗi đồng thừa kế được hưởng một kỷ phần thừa kế với có giá trị là 140.463.180

đồng. Còn lại 01 kỷ phần có giá trị là 140.463.180 đồng được chia đều làm 03 phần cho những người thừa kế của cụ S1 đã có công sức bảo quản di sản gồm bà T, bà S, ông T1 (người thừa kế là bà T2, anh H, chị N được nhận) mỗi người được hưởng là 46.821.060 đồng. Như vậy, bà T, bà S, ông T1 mỗi người được hưởng kỷ phần là 187.284.240 đồng.

[13.3] Đối với kỷ phần chia cho bà B4 được hưởng có giá trị là 140.463.180 đồng thì bà B4 có yêu cầu tặng cho lại bà T được nhận, bà T đồng ý nhận. Xét thấy, thoả thuận tặng cho của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với phần đất diện tích 249,9m^2 (trong đó có 25,7m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2; Diện tích 39,1m^2 + 32,4m^2 thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2 do bà T đang quản lý sử dụng. Diện tích 139,6m^2 (trong đó có 19,7m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2 do bà S đang quản lý sử dụng thì căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ L3 đứng tên có 300m^2 đất thổ cư. Bà T và bà S thống nhất hiện nay diện tích 139,6m^2 (trong đó có 19,7m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2 do bà S đang quản lý sử dụng là đất thổ cư, còn lại diện tích 160,4m^2 đất thổ cư nằm trong phần đất do bà T đang quản lý sử dụng. Các đương sự đều thống nhất trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia thừa kế thì phần tài sản do ai đang quản lý, sử dụng thì yêu cầu được tiếp tục sử dụng và có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cho các đồng thừa kế còn lại theo kỷ phần được hưởng, xét thấy phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13.4] Chia cho bà Nguyễn Thị Thu T được quyền sử dụng đất diện tích 249,9m^2 (trong đó có 25,7m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau và căn nhà trên đất gồm: Nhà chính diện tích 47,5m^2, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây, nền lát gạch, mái lợp tol xi măng, đòn tay gỗ dầu; Nhà sau diện tích 47m^2, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây, nền tráng xi măng, mái lợp tol xi măng, đòn tay gỗ dầu, phần đất có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất tranh chấp (một phần thửa 364), có số đo 8,50m + 5,98m.

Hướng Tây giáp đường C, có số đo 5,28m.

Hướng Nam giáp đất tranh chấp (một phần thửa 364), có số đo 18,06m + 16,52m.

Hướng Bắc giáp thửa đất 364, 359, có số đo 28,25m + 9,0m + 6,87m.

[13.5] Chia cho bà Nguyễn Thị Thu T được quyền sử dụng đất diện tích 39,1m^2 + 32,4m^2 thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2 và diện tích 1143,7m^2 thuộc thửa đất số 0365, tờ bản đồ số 2 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau có vị trí và tứ cạnh (trừ phần đất bà T rút yêu cầu khởi kiện gồm: phần đất mồ mả và lối đi diện tích 41,6m^2 + 6,1m^2 thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 02; phần đường đi vào khu mồ mã diện tích 35,9m^2, phần đất mồ mả diện tích 58,3m^2 + 62,1m^2 thửa đất số 0365, tờ bản đồ số 02 và phần đất bà T không yêu cầu giải quyết gồm: diện tích 81,5m^2 + 21,3m^2 thuộc thửa số 374, tờ bản đồ số 02; Diện tích 163,4m^2 + 5,0m^2 thuộc thửa số 366, tờ bản đồ số 02), như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 366, có số đo 32,51m.

Hướng Tây giáp thửa đất số 374 và giáp đất tranh chấp (một phần thửa đất 364), có số đo 8,05m + 5,98m + 17,24m.

Hướng Nam giáp đường bê tông, có số đo 48,05m.

Hướng Bắc giáp thửa đất số 358, có số đo 47,37m.

Hiện trạng trên phần đất có căn nhà của bà Nguyễn Thị Thu T, diện tích 46m^2, kết cấu khung cột cây gỗ địa phương, vách tol thiết, nền xi măng, mái lợp tol xi măng, và có khu mồ mã.

[13.6] Chia cho bà Nguyễn Thu S được quyền sử dụng đất diện tích 139,6m^2 (trong đó có 19,7m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 0364, có số đo 4,06m.

Hướng Tây giáp đường C, có số đo 4.05m.

Hướng Nam giáp thửa đất số 0374, có số đo 34,59m.

Hướng Bắc giáp đường bê tông (một phần thửa đất số 0364), có số đo 34,56m.

Hiện trạng trên đất có căn nhà của bà Nguyễn Thu S gồm: Nhà cấp III (01 tầng trệt, 01 tầng lầu). Diện tích sàn 172,2m^2 (tầng trệt + tầng lầu), kết cấu khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tol, nền lát gạch, vách xây tường gạch bao quanh. Phía trước nhà có mái che, khung cột sắt hợp, mái lợp tol, phía dưới có sân lát gạch, diện tích 36,5m^2. Hàng rào phía trước khung cột bê tông, thanh sắt, vách xây tường, cổng rào khung sắt.

[13.7] Chia cho bà Huỳnh Thị T2 được quyền sử dụng đất diện tích 4623,8m^2 thuộc thửa đất số 0368, tờ bản đồ số 2 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp kênh 18, có số đo 30,88m.

Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp (một phần thửa đất số 0368), có số đo 34,20m.

Hướng Nam giáp thửa đất số 369, 370, 371, có số đo 143,71m.

Hướng Bắc giáp đường đất, có số đo 142,28m.

Hiện trạng trên đất gồm có: Căn nhà của bà Huỳnh Thị T2 và ông Nguyễn Chí T1, diện tích 64,2m^2, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, đòn tay gỗ dầu, mái lợp tol, vách đóng thiết, nền đất; Nhà vệ sinh: khung cột bê tông, vách xây tường bao quanh, mái lợp tol, nền lát gạch; Cây trồng trên đất: 02 cây dừa loại A, 01 cây me loại A.

Bà T, bà S, bà T2 được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

[13.8] Do phần di sản bà S được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất diện tích 139,6m^2 đất thổ cư có giá trị là 439.740.000 đồng, nhiều hơn kỷ phần mà bà S được hưởng nên bà S có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản cho những người thừa kế còn lại gồm: Bà T số tiền 84.151.920 đồng; Bà P, ông P1, ông N1 mỗi người số tiền 42.075.960 đồng; Chị N2, chị L mỗi người số tiền 21.037.980 đồng.

[13.9] Do phần di sản bà T2 được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất diện tích 4623,8m^2 đất trồng lúa có giá trị là 1.155.950.000 đồng, nhiều hơn kỷ phần mà bà T2 được hưởng nên bà T2 có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản cho những người thừa kế còn lại gồm: Bà T số tiền 575.116.880 đồng; Bà P, ông P1, ông N1 mỗi người số tiền 98.387.220 đồng; Chị N2, chị L mỗi người số tiền 49.193.610 đồng; Anh H, chị N mỗi người số tiền 62.428.000 đồng.

[14] Xét yêu cầu độc lập của ông Tăng Hồng L2:

[14.1] Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 03/02/2026 ông L2 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L2 với ông L3, bà X xác lập vào năm 2010 diện tích 5267,6m^2 thuộc thửa đất số 0443, tờ bản đồ số 02 (theo đo đạt thực tế gồm: Diện tích 1365,8m^2 (nay là thửa đất số 182, tờ bản đồ số 9); Diện tích 927,2m^2 (nay là thửa đất số 161, tờ bản đồ số 9); Diện tích 2974,6m^2 (nay là thửa đất số 170, tờ bản đồ số 9) do ông L2 đang quản lý sử dụng tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 154 và 170, có số đo 25,41m + 80,49m.

Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Tâm T7, đất ông Tăng Hồng L2 và đất ông Nguyễn Văn Đ1, có số đo 22,99m + 58,15m + 1,46m + 82,70m.

Hướng Nam giáp đất ông Tăng Hồng L2, có số đo 36,20m.

Hướng Bắc giáp kênh thuỷ lợi, có số đo 57,71m + 35,90m.

[14.2] Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L2 với ông P1 xác lập vào ngày 07/5/2010 phần đất diện tích 1076,8m^2 (nay là thửa đất số 154, tờ bản đồ số 9) và diện tích 3370,8m^2 (nay là thửa đất số 170, tờ bản đồ số 9) do ông L2 đang quản lý sử dụng tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 154 và 171, có số đo 24,22m + 80,95m.

Hướng Tây giáp thửa đất số 161 và 173, có số đo 25,41m + 80,49m.

Hướng Nam giáp đất ông Tăng Hồng L2, có số đo 4,35m + 36,18m.

Hướng Bắc giáp kênh thuỷ lợi, có số đo 44,43m.

[14.3] Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L2 với bà S và ông B1 xác lập vào 19/11/2009 phần đất diện tích Diện tích 1483,4m^2 (nay là thửa đất số 154, tờ bản đồ số 9); Diện tích 4755,7m^2 (nay là thửa đất số 171, tờ bản đồ số 9) do ông L2 đang quản lý sử dụng tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Tăng Hồng L2, có số đo 24,61m + 79,65m.

Hướng Tây giáp thửa đất số 154 và 170, có số đo 24,22m + 80,95m.

Hướng Nam giáp đất ông Tăng Hồng L2, có số đo 58,06m.

Hướng Bắc giáp kênh thuỷ lợi, có số đo 61,18m.

Hiện trạng đất nuôi trồng thuỷ sản do ông Tăng Hồng L2 đang quản lý, sử dụng. Trên phần đất có căn chòi ngang phía trước 3,58m, ngang phía sau 3,73m, dài 4,31m, kết cấu khung sườn cây gỗ địa phương, vách dừng thiết, mái lợp thiết, nền đất.

[14.4] Như đã phân tích trên, các phần đất này cụ L3, cụ S1 đã cho bà S, ông P1 và bà S, ông P1 đã chuyển nhượng cho ông L2, tại thời điểm chuyển nhượng cụ L3, cụ S1 vẫn còn sống nhưng không có ý kiến phải đối và đồng ý việc chuyển nhượng. Do đó, ông L2 khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các phần đất này là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông L2 được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

[15] Xét yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thành P1:

[15.1] Xét yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thành P1 với ông Tạ Văn B3, bà Nguyễn Hồng P2 xác lập vào ngày 29/4/2004 đối với phần đất diện tích 171,5m^2 thuộc thửa đất số 0367, tờ bản đồ số 2 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thành P1 với ông Tạ Văn B3, bà Nguyễn Hồng P2 xác lập vào ngày 29/4/2004, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp (một phần thửa đất 367), có số đo 33,83m.

Hướng Tây giáp thửa đất số 373, có số đo 34,76m.

Hướng Nam giáp thửa đất số 373, có số đo 5,00m.

Hướng Bắc giáp đường bê tông, có số đo 5,08m.

Hiện trạng trên đất có căn nhà cấp 4 của ông Tạ Văn B3, diện tích 80m^2, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tol, vách xây tường bao quanh (phía trên đóng thiết), nền lót gạch. Mái che phía trước khung cột sắt hộp, mái lợp tol, phía dưới lát gạch, diện tích 8,5m^2. Hàng rào phía trước bằng khung sắt. Xét thấy, các đương sự đều thống nhất nguồn gốc phần đất này là của cụ L3, cụ S1 tặng cho ông P1 như đã phân tích trên. Quá trình sử dụng, ông P1 đã chuyển nhượng cho ông B3, bà P2, việc chuyển nhượng có làm giấy tay, sau khi làm giấy chuyển nhượng ông P1 đã nhận đủ tiền và đã giao đất cho ông B3, bà P2 xây nhà ở trên đất ổn định đến nay, không có tranh chấp. Ông P1 đồng ý tiếp tục chuyển nhượng phần đất này cho ông B3, bà P2, các đương sự đều thống nhất. Do đó, ông P1 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P1 với ông B3, bà P2 đối với phần đất diện tích 171,5m^2 thuộc thửa đất số 0367, tờ bản đồ số 2 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau là có căn cứ chấp nhận. Ông B3, bà P2 được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

[15.2] Xét yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thành P1 với cụ Nguyễn Văn L3 đối với phần đất diện tích 280,1m^2 thuộc thửa đất số 0367, tờ bản đồ số 2 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất tranh chấp (một phần thửa đất 367), có số đo 33,02m.

Hướng Tây giáp đất tranh chấp (một phần thửa đất 367), có số đo 33,83m.

Hướng Nam giáp thửa đất số 0373, có số đo 8,23m.

Hướng Bắc giáp đường bê tông, có số đo 8,57m.

Hiện trạng trên đất có công trình của ông Nguyễn Thành P1 gồm: Căn nhà diện tích 140,5m^2, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tol, vách xây tường bao quanh, mặt tiền phía trước có dán gạch, nền lát gạch. Phía trước nhà có mái che, diện tích 5,4m^2, khung sắt, cột bê tông, nền lát gạch. Bên hông nhà có mái che, diện tích 18,2m^2, khung cột bê tông, nền lát gạch. Phía trước nhà có sân xi măng diện tích 34,7m^2 và 01 bàn thờ ông T8 cao 1,2m. Xét thấy, ông P1 xác định nguồn gốc phần đất là của cụ L3, cụ S1 tặng cho ông P1 khi ông lập gia đình và ra ở riêng, sau khi được tặng cho thì ông đã xây dựng nhà ở trên phần đất ổn định đến nay. Bà T thống nhất phần đất này cha mẹ đã tặng cho ông P1 nên bà T rút yêu cầu chia thừa kế. Các đương sự còn lại cũng thừa nhận phần đất cụ L3, cụ S1 đã tặng cho ông P1 nhưng chưa làm thủ tục chuyển tên nên thống nhất việc rút yêu cầu chia thừa kế của bà T. Như vậy, mặc dù phần đất hiện vẫn do cụ L3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng việc cụ L3, cụ S1 tặng cho ông P1 phần đất này là thực tế có xảy ra. Do đó, ông P1 khởi kiện độc lập yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ L3 với ông P1 đối với phần đất diện tích 280,1m^2 thuộc thửa đất số 0367, tờ bản đồ số 2 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau là có căn cứ nên được chấp nhận.

[15.3] Xét yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thành P1 với bà Nguyễn Thị Thu T đối với phần đất diện tích 713,3m^2 + 49,5m^2 thuộc thửa đất số 0367, tờ bản đồ số 02; diện tích 266,2m^2 thuộc thửa đất số 0368, tờ bản đồ số 02; diện tích 119,7m^2 thuộc thửa đất số 0371, tờ bản đồ số 02 và diện tích 798,2m^2 + 43,7m^2 thuộc thửa đất số 0372, tờ bản đồ số 02 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 0368 và 371, có số đo 34,20m + 29,51m.

Hướng Tây giáp đất tranh chấp (một phần thửa đất số 367) và thửa đất số 0373, có số đo 33,02m + 29,11m.

Hướng Nam giáp thửa đất số 495, có số đo 1,50m + 31,84m.

Hướng Bắc giáp đường bê tông và đường đất, có số đo 1,50m + 3,47m + 24,25m.

Hiện trạng đất đang nuôi trồng thuỷ sản do ông Nguyễn Thành P1 đang quản lý, sử dụng. Xét thấy, đối với phần đất diện tích 119,7m^2 thuộc thửa đất số 0371 do ông Võ Vă B5 đứng tên sổ mục kê và diện tích 798,2m^2 + 43,7m^2 thuộc thửa đất số 0372, tờ bản đồ số 02 do ông Huỳnh Văn Đ2 đứng tên sổ mục kê, không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ L3 đứng tên. Tuy nhiên, tại Công văn phúc đáp số 284/UBND-NC ngày 30/01/2026 của Ủy ban nhân dân phường H và Biên bản xác minh ngày 22/01/2026 của Bí thư khóm Đ đều không xác định được thông tin của ông B5 và ông Đ2 này là ai. Đồng thời những người thừa kế của cụ L3, cụ S1 đều thống nhất xác định phần đất này là của cụ L3, cụ S1 và từ trước đến nay không có người tên Võ Văn B6, Huỳnh Văn Đ2 sử dụng phần đất này. Do đó, có căn cứ xác định nguồn gốc phần đất này là của cụ L3, cụ S1. Xét thấy, các đương sự đều thống nhất nguồn gốc phần đất này là cụ L3, cụ S1 cho bà T, sau đó bà T chuyển nhượng lại cho ông P1, việc chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay, bà T đã

nhận đủ tiền và đã giao đất cho ông P1 sử dụng đến nay. Bà T và các đương sự còn lại thống nhất với yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông P1 do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu độc lập của ông P1, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P1 và bà T. Ông P1 được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

[16] Đối với các phần đất theo đo đạt có diện tích 81,5m^2 + 21,3m^2 thuộc thửa số 374, tờ bản đồ số 02; Diện tích 163,4m^2 + 5,0m^2 thuộc thửa số 366, tờ bản đồ số 02; Diện tích 43,7m^2 thuộc thửa đất số 372, tờ bản đồ số 02 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau không thuộc các thửa đất mà bà T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và đối với các công trình, cây trồng trên đất, các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[17] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp số tiền 35.876.354 đồng. Bà T phải chịu 32.375.854 đồng. Bà P2, bà S, ông P1, ông N1 mỗi người phải chịu 583.500 đồng. Chị N2, chị mỗi người phải chịu 291.500 đồng. Bà T2, anh H, chị N mỗi người phải chịu 194.500 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 10.000.000 đồng theo Phiếu thu số 167 ngày 08/11/2022, số tiền 10.000.000 đồng theo Phiếu thu số 199 ngày 12/12/2022, số tiền 2.000.000 đồng theo Phiếu thu ngày 17/01/2023 và số tiền 15.000.000 đồng theo Phiếu thu số 12KV ngày 11/7/2025, đã chi số tiền 35.876.354 đồng, bà T đã được nhận lại số tiền 1.123.646 đồng tại Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau. Buộc bà P2, bà S, ông P1, ông N1 mỗi người phải hoàn trả cho bà T số tiền 583.500 đồng. Buộc chị N2, chị L mỗi người phải hoàn trả cho bà T số tiền 291.500 đồng. Buộc bà T2, anh H, chị N mỗi người phải hoàn trả cho bà T số tiền 194.500 đồng.

[19] Về án phí: Bà P2 là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên giá trị tài sản được chia là 59.757.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch trên yêu cầu độc lập của ông P1 và ông L2 được chấp nhận là 600.000 đồng. Bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên giá trị tài sản được chia là 9.364.000 đồng. Ông P1, ông N1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên giá trị tài sản được chia là 7.023.000 đồng. Chị N2, chị L mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên giá trị tài sản được chia là 3.511.000 đồng. Bà T2, anh H, chị N mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên giá trị tài sản được chia là 3.121.000 đồng. Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Điều 166, Điều 167, Điều 170 của Luật đất đai;

Căn cứ vào Điều 468, Điều 609, Điều 610, Điều 612, Điều 613, Điều 618, Điều 623, Điều 634, Điều 643, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T đối với ông Nguyễn Chí T1 và ông Nguyễn Hồng N1 yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất gồm: Diện tích 261m^2 và diện tích 476,7m^2 thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 02; Diện tích 91,7m^2 thuộc thửa đất số 0364 tờ bản đồ số 02 (gồm phần đường đi vào khu mồ mã diện tích 43,6m^2 + 6,1m^2, phần đất mồ mả diện tích 41,6m^2); Diện tích 156,3m^2 thuộc thửa đất số 0365, tờ bản đồ số 02 (gồm phần đường đi vào khu mồ mã diện tích 35,9m^2, phần đất mồ mả diện tích 58,3m^2 + 62,1m^2); Diện tích 1214,4m^2 thuộc thửa đất số 0367 tờ bản đồ số 02 (gồm phần đất ông Tạ Văn B3 đang quản lý sử dụng diện tích 171,5m^2, phần đất ông P1 đang quản lý sử dụng diện tích 280,1m^2 + 713,3m^2, phần đường bê tông diện tích 49,5m^2); Diện tích 266,2m^2 thuộc thửa đất số 0368 tờ bản đồ số 02; Diện tích 119,7m^2 thuộc thửa đất số 371 tờ bản đồ số 02; Diện tích 798,2m^2 thuộc thửa đất số 372 tờ bản đồ số 02; Diện tích 900,2m^2 thuộc thửa đất số 496 tờ bản đồ số 05 và diện tích 3730m^2 thuộc thửa đất số 495 tờ bản đồ số 05 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 495, tờ bản đồ số 5, diện tích 3730m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/3/2017 cho ông Nguyễn Hồng N1 và bà Nguyễn Thu N4 đứng tên; Diện tích 5267,6m^2 thuộc thửa đất số 0443, tờ bản đồ số 02 gồm: Diện tích 1365,8m^2 (nay là thửa đất số 182, tờ bản đồ số 9); Diện tích 927,2m^2 (nay là thửa đất số 161, tờ bản đồ số 9); Diện tích 2974,6m^2 (nay là thửa đất số 173, tờ bản đồ số 9) tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T về việc yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất 10686,7m^2 thuộc thửa đất số 0443, tờ bản đồ số 2 (theo đo đạt gồm: Diện tích 1076,8m^2 (nay là thửa đất số 154, tờ bản đồ số 9); Diện tích 3370,8m^2 (nay là thửa đất số 170, tờ bản đồ số 9); Diện tích 1483,4m^2 (nay là thửa đất số 154, tờ bản đồ số 9); Diện tích 4755,7m^2 (nay là thửa đất số 171, tờ bản đồ số 9)) tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T về việc yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và chia thừa kế theo pháp luật đối với ông Nguyễn Chí T1 và ông Nguyễn Hồng N1.

3.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn L3 và cụ Nguyễn Thị S1 để lại có yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế tổng diện tích 6228,5m^2 (trong đó có 45,4m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, 0365, 0368, tờ bản đồ số 02 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau có giá trị 2.427.125.000 đồng và căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 0364 trị giá 101.212.249 đồng. Tổng giá trị di sản của cụ Nguyễn Văn L3 và cụ Nguyễn Thị S1 để lại là 2.528.337.249 đồng.

3.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn L3 và cụ Nguyễn Thị S1 gồm: Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thu P, ông Nguyễn Văn H3 (đã chết), bà Nguyễn Thị T6 (đã chết), bà Nguyễn Thu S, ông Nguyễn Chí T1 (đã chết), ông Nguyễn Thành P1, bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Hồng N1.

Ông Nguyễn Văn H3 chết, người thừa kế thế vị của ông H3 gồm: chị Lý Thị N2, chị Lý Thị L.

Bà Nguyễn Thị T6 chết, không có người thừa kế thế vị.

Ông Nguyễn Chí T1 chết, hàng thừa kế của ông T1 gồm: bà Huỳnh Thị T2, anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Thị Huỳnh N.

3.3. Chia di sản thừa kế theo di chúc cho bà Nguyễn Thị Thu T được hưởng quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Văn L3 để lại là 50% giá trị quyền sử dụng đất trong di sản của cụ Nguyễn Văn L3 và cụ Nguyễn Thị S1 để lại có giá trị là 1.264.168.624 đồng.

3.4. Chia di sản thừa kế theo pháp luật 50% giá trị quyền sử dụng đất còn lại của cụ Nguyễn Thị S1 trong diện tích 6228,5m^2 (trong đó có 45,4m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, 0365, 0368, tờ bản đồ số 02 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau có giá trị là 1.264.168.624 đồng cho hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị S1.

3.5. Chia cho bà Nguyễn Thị Thu T được quyền sử dụng đất diện tích 249,9m^2 (trong đó có 25,7m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2 và căn nhà trên đất tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất tranh chấp (một phần thửa 364), có số đo 8,50m + 5,98m.

Hướng Tây giáp đường C, có số đo 5,28m.

Hướng Nam giáp đất tranh chấp (một phần thửa 364), có số đo 18,06m + 16,52m.

Hướng Bắc giáp thửa đất 364, 359, có số đo 28,25m + 9,0m + 6,87m.

Hiện trạng trên đất phần đất căn nhà của cụ L3, cụ S1 để lại gồm: Nhà chính diện tích 47,5m^2, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây, nền lát gạch, mái

lợp tol xi măng, đòn tay gỗ dầu; Nhà sau diện tích 47m^2, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây, nền tráng xi măng, mái lợp tol xi măng, đòn tay gỗ dầu.

3.6. Chia cho bà Nguyễn Thị Thu T được quyền sử dụng đất diện tích 39,1m^2 + 32,4m^2 thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2 và diện tích 1143,7m^2 thuộc thửa đất số 0365, tờ bản đồ số 2 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh (trừ phần đất bà T rút yêu cầu khởi kiện gồm: phần đất mồ mả và lối đi diện tích 41,6m^2 + 6,1m^2 thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 02; phần đường đi vào khu mồ mã diện tích 35,9m^2, phần đất mồ mả diện tích 58,3m^2 + 62,1m^2 thửa đất số 0365, tờ bản đồ số 02 và phần đất bà T không yêu cầu giải quyết gồm: diện tích 81,5m^2 + 21,3m^2 thuộc thửa số 374, tờ bản đồ số 02; Diện tích 163,4m^2 + 5,0m^2 thuộc thửa số 366, tờ bản đồ số 02), như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 366, có số đo 32,51m.

Hướng Tây giáp thửa đất số 374 và giáp đất tranh chấp (một phần thửa đất 364), có số đo 8,05m + 5,98m + 17,24m.

Hướng Nam giáp đường bê tông, có số đo 48,05m.

Hướng Bắc giáp thửa đất số 358, có số đo 47,37m.

Hiện trạng trên phần đất có căn nhà của bà Nguyễn Thị Thu T, diện tích 46m^2, kết cấu khung cột cây gỗ địa phương, vách tol thiết, nền xi măng, mái lợp tol xi măng. Trên đất có khu mồ mã.

Bà Nguyễn Thị Thu T được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

3.7. Chia cho bà Nguyễn Thu S được quyền sử dụng đất diện tích 139,6m^2 (trong đó có 19,7m^2 đất quy hoạch lộ giới) thuộc thửa đất số 0364, tờ bản đồ số 2 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 0364, có số đo 4,06m.

Hướng Tây giáp đường C, có số đo 4,05m.

Hướng Nam giáp thửa đất số 0374, có số đo 34,59m.

Hướng Bắc giáp đường bê tông (một phần thửa đất số 0364), có số đo 34,56m.

Hiện trạng trên đất có căn nhà của bà Nguyễn Thu S gồm: Nhà cấp III (01 tầng trệt, 01 tầng lầu). Diện tích sàn 172,2m^2 (tầng trệt + tầng lầu), kết cấu khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tol, nền lát gạch, vách xây tường gạch bao quanh. Phía trước nhà có mái che, khung cột sắt hợp, mái lợp tol, phía dưới có sân lát gạch, diện tích 36,5m^2. Hàng rào phía trước khung cột bê tông, thanh sắt, vách xây tường, cổng rào khung sắt.

Bà Nguyễn Thu S được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

3.8. Chia cho bà Huỳnh Thị T2 được quyền sử dụng đất diện tích 4623,8m^2 thuộc thửa đất số 0368, tờ bản đồ số 2 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp kênh 18, có số đo 30,88m.

Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp (một phần thửa đất số 0368), có số đo 34,20m.

Hướng Nam giáp thửa đất số 369, 370, 371, có số đo 143,71m.

Hướng Bắc giáp đường đất, có số đo 142,28m.

Hiện trạng trên đất gồm có: Căn nhà của bà Huỳnh Thị T2 và ông Nguyễn Chí T1, diện tích 64,2m^2, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, đòn tay gỗ dầu, mái lợp tol, vách đóng thiết, nền đất; Nhà vệ sinh: khung cột bê tông, vách xây tường bao quanh, mái lợp tol, nền lát gạch; Cây trồng trên đất: 02 cây dừa loại A, 01 cây me loại A.

Bà Huỳnh Thị T2 được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

4. Buộc bà Nguyễn Thu S có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 84.151.920 đồng (T9 mươi bốn triệu một trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm hai mươi đồng).

Buộc bà Nguyễn Thu S có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thu P, ông Nguyễn Thành P1, ông Nguyễn Hồng N1 mỗi người số tiền 42.075.960 đồng (Bốn mươi hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

Buộc bà Nguyễn Thu S có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản cho chị Lý Thị N2, chị Lý Thị L mỗi người số tiền 21.037.980 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi đồng).

5. Buộc bà Huỳnh Thị T2 có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 575.116.880 đồng (Năm trăm bảy mươi lăm triệu một trăm mười sáu nghìn tám trăm tám mươi đồng).

Buộc bà Huỳnh Thị T2 có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thu P, ông Nguyễn Thành P1, ông Nguyễn Hồng N1 mỗi người số tiền 98.387.220 đồng (Chín mươi tám triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi đồng).

Buộc bà Huỳnh Thị T2 có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản cho chị Lý Thị N2, chị Lý Thị L mỗi người số tiền 49.193.610 đồng (Bốn mươi chín triệu một trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm mười đồng).

Buộc bà Huỳnh Thị T2 có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản cho anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Thị Huỳnh N mỗi người số tiền 62.428.080 đồng (Sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn không trăm tám mươi đồng).

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thành P1 đối với bà Nguyễn Thị Thu T về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

6.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thành P1 với ông Tạ Văn B3, bà Nguyễn Hồng P2 xác lập vào ngày 29/4/2004 đối với phần đất diện tích 171,5m^2 thuộc thửa đất số 0367, tờ bản đồ số 2 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp (một phần thửa đất 367), có số đo 33,83m.

Hướng Tây giáp thửa đất số 373, có số đo 34,76m.

Hướng Nam giáp thửa đất số 373, có số đo 5,00m.

Hướng Bắc giáp đường bê tông, có số đo 5,08m.

Hiện trạng trên đất có căn nhà cấp 4 của ông Tạ Văn B3, diện tích 80m^2, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tol, vách xây tường bao quanh (phía trên đóng thiết), nền lót gạch. Mái che phía trước khung cột sắt hộp, mái lợp tol, phía dưới lát gạch, diện tích 8,5m^2. Hàng rào phía trước bằng khung sắt.

Ông Tạ Văn B3 và bà Nguyễn Hồng P2 được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất nêu trên.

6.2. Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thành P1 với ông Nguyễn Văn L3 đối với phần đất diện tích 280,1m^2 thuộc thửa đất số 0367, tờ bản đồ số 2 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất tranh chấp (một phần thửa đất 367), có số đo 33,02m.

Hướng Tây giáp đất tranh chấp (một phần thửa đất 367), có số đo 33,83m.

Hướng Nam giáp thửa đất số 0373, có số đo 8,23m.

Hướng Bắc giáp đường bê tông, có số đo 8,57m.

Hiện trạng trên đất có công trình của ông Nguyễn Thành P1 gồm: Căn nhà diện tích 140,5m^2, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tol, vách xây tường bao quanh, mặt tiền phía trước có dán gạch, nền lát gạch. Phía trước nhà có mái che, diện tích 5,4m^2, khung sắt, cột bê tông, nền lát gạch. Bên hông nhà có mái che, diện tích 18,2m^2, khung cột bê tông, nền lát gạch. Phía trước nhà có sân xi măng diện tích 34,7m^2 và 01 bàn thờ ông T8 cao 1,2m.

Ông Nguyễn Thành P1 được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

6.3. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thành P1 với bà Nguyễn Thị Thu T đối với phần đất diện tích 713,3m^2 + 49,5m^2 thuộc thửa đất số 0367, tờ bản đồ số 02; diện tích 266,2m^2 thuộc thửa đất số 0368, tờ bản đồ số 02; diện tích 119,7m^2 thuộc thửa đất số 0371, tờ bản đồ số 02 và diện tích 798,2m^2 + 43,7m^2 thuộc thửa đất số 0372, tờ bản đồ số 02 tọa lạc khóm Đ, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 0368 và 371, có số đo 34,20m + 29,51m.

Hướng Tây giáp đất tranh chấp (một phần thửa đất số 367) và thửa đất số 0373, có số đo 33,02m + 29,11m.

Hướng Nam giáp thửa đất số 495, có số đo 1,50m + 31,84m.

Hướng Bắc giáp đường bê tông và đường đất, có số đo 1,50m + 3,47m + 24,25m.

Hiện trạng đất đang nuôi trồng thuỷ sản do ông Nguyễn Thành P1 đang quản lý, sử dụng.

Ông Nguyễn Thành P1 được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất nêu trên.

7. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Tăng Hồng L2 đối với bà Nguyễn Thị Thu T về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng.

7.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tăng Hồng L2 với ông Nguyễn Văn L3, bà Nguyễn Thị S1 xác lập vào năm 2010 đối với phần đất diện tích 5267,6m^2 thuộc thửa đất số 0443, tờ bản đồ số 02 (theo đo đạt gồm: Diện tích 1365,8m^2 (nay là thửa đất số 182, tờ bản đồ số 9); Diện tích 927,2m^2 (nay là thửa đất số 161, tờ bản đồ số 9); Diện tích 2974,6m^2 (nay là thửa đất số 173, tờ bản đồ số 9)) tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 154 và 170, có số đo 25,41m + 80,49m.

Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Tâm T7, đất ông Tăng Hồng L2 và đất ông Nguyễn Văn Đ1, có số đo 22,99m + 58,15m + 1,46m + 82,70m.

Hướng Nam giáp đất ông Tăng Hồng L2, có số đo 36,20m.

Hướng Bắc giáp kênh thuỷ lợi, có số đo 57,71m + 35,90m.

7.2. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tăng Hồng L2 với ông Nguyễn Thành P1 xác lập vào ngày 07/5/2010 đối với phần đất diện tích 4447,6m^2 thuộc thửa đất số 0443, tờ bản đồ số 2 (theo đo đạt gồm: Diện tích 1076,8m^2 (nay là thửa đất số 154, tờ bản đồ số 9); Diện tích 3370,8m^2 (nay là thửa đất số 170, tờ bản đồ số 9)) tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 154 và 171, có số đo 24,22m + 80,95m.

Hướng Tây giáp thửa đất số 161 và 173, có số đo 25,41m + 80,49m.

Hướng Nam giáp đất ông Tăng Hồng L2, có số đo 4,35m + 36,18m.

Hướng Bắc giáp kênh thuỷ lợi, có số đo 44,43m.

7.3. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tăng Hồng L2 với bà Nguyễn Thu S, ông Nguyễn Ngọc B1 xác lập vào 19/11/2009 đối với phần đất diện tích 6239,1m^2 thuộc thửa đất số 0443, tờ bản đồ số 2 (theo đo đạt gồm: Diện tích 1483,4m^2 (nay là thửa đất số 154, tờ bản đồ số 9); Diện tích 4755,7m^2 (nay là thửa đất số 171, tờ bản đồ số 9)) tọa lạc khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau, có vị trí và tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Tăng Hồng L2, có số đo 24,61m + 79,65m.

Hướng Tây giáp thửa đất số 154 và 170, có số đo 24,22m + 80,95m.

Hướng Nam giáp đất ông Tăng Hồng L2, có số đo 58,06m.

Hướng Bắc giáp kênh thuỷ lợi, có số đo 61,18m.

Hiện trạng trên phần đất có căn chòi ngang phía trước 3,58m, ngang phía sau 3,73m, dài 4,31m, kết cấu khung sườn cây gỗ địa phương, vách dừng thiết, mái lợp

thiết, nền đất.

Hiện trạng đất nuôi trồng thuỷ sản do ông Tăng Hồng L2 đang quản lý, sử dụng.

Ông Tăng Hồng L2 được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với các phần đất nêu trên.

(Có bản vẽ hiện trạng các thửa đất kèm theo bản án)

8. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

9. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp số tiền 35.876.354 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 32.375.854 đồng. Bà Nguyễn Thu P, bà Nguyễn Thu S, ông Nguyễn Thành P1, ông Nguyễn Hồng N1 mỗi người phải chịu 583.500 đồng. Chị Lý Thị N2, chị Lý Thị L mỗi người phải chịu 291.500 đồng. Bà Huỳnh Thị T2, anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Thị Huỳnh N mỗi người phải chịu 194.500 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 10.000.000 đồng theo Phiếu thu số 167 ngày 08/11/2022, số tiền 10.000.000 đồng theo Phiếu thu số 199 ngày 12/12/2022, số tiền 2.000.000 đồng theo Phiếu thu ngày 17/01/2023 và số tiền 15.000.000 đồng theo Phiếu thu số 12KV ngày 11/7/2025, đã chi số tiền 35.876.354 đồng, bà Nguyễn Thị Thu T đã được nhận lại số tiền 1.123.646 đồng tại Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

Buộc bà Nguyễn Thu P, bà Nguyễn Thu S, ông Nguyễn Thành P1, ông Nguyễn Hồng N1 mỗi người phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 583.500 đồng (Năm trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Buộc chị Lý Thị N2, chị Lý Thị L mỗi người phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 291.500 đồng (Hai trăm chín mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

Buộc bà Huỳnh Thị T2, anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Thị Huỳnh N mỗi người phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 194.500 đồng (Một trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

10. Về án phí:

Bà Nguyễn Thu P thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 60.357.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008059 ngày 07 tháng 11 năm 2022 và số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008879 ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu (nay là Phòng

Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cà Mau) nên được chuyển sang thu án phí và bà T còn phải nộp số tiền 59.757.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Thành P1 phải chịu án phí là 7.023.000 đồng. Ông Nguyễn Thành P1 đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001348 ngày 03 tháng 02 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cà Mau nên được chuyển sang thu án phí và ông P1 còn phải nộp số tiền 6.723.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.364.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Hồng N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.023.000 đồng.

Buộc chị Lý Thị N2, chị Lý Thị L mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.511.000 đồng.

Buộc bà Huỳnh Thị T2, anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Thị Huỳnh N mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.121.000 đồng.

Các đương sự khác không phải chịu án phí. Ông Tăng Hồng L2 đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001349 ngày 03 tháng 02 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cà Mau nên được nhận lại.

11. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

12. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 6 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly